

♦ Part 1: Greeting & Daily Communication

1. Chào bạn, rất vui được gặp bạn lần đầu tiên.

→ _____

2. Bạn có thể cho mình biết tên của bạn được không?

→ _____

3. Hôm nay bạn trông có vẻ khá bận, đúng không?

→ _____

4. Không sao đâu, chúng ta có thể nói chuyện sau.

→ _____

♦ Part 2: Colors & Objects

5. Mình thường mặc quần áo màu trung tính khi đi làm.

→ _____

6. Chiếc điện thoại màu bạc này trông hiện đại hơn cái màu đen.

→ _____

7. Bạn thích màu nào hơn, màu sáng hay màu tối?

→ _____

♦ Part 3: Days, Time & Schedule

8. Bạn thường rảnh vào những ngày trong tuần?

→ _____

9. Cuộc họp của chúng ta được lên lịch vào sáng thứ Năm.

→ _____

10. Bạn có thể đến sớm hơn khoảng 10 phút được không?

→ _____

11. Xin lỗi, mình sẽ đến muộn vì kẹt xe.

→ _____

◆ Part 4: Months, Dates & Events

12. Sinh nhật của bạn rơi vào tháng nào trong năm?

→ _____

13. Buổi workshop sẽ diễn ra vào cuối tháng Sáu.

→ _____

14. Hôm nay là ngày 10 tháng 4, đúng không?

→ _____

◆ Part 5: Personality & Description

15. Theo bạn, một người thân thiện thường cư xử như thế nào?

→ _____

16. Mình là người khá trầm tính, nhưng mình làm việc rất có trách nhiệm.

→ _____

17. Cô ấy không nói nhiều, nhưng luôn sẵn sàng giúp đỡ người khác.

→ _____

18. Bạn thích làm việc với người cẩn thận hay người sáng tạo hơn?

→ _____

◆ Part 6: Integrated Communication

19. Xin lỗi vì đã làm phiền bạn vào thời điểm này.

→ _____

20. Rất vui được trò chuyện và hiểu thêm về bạn hôm nay.

→ _____